

HOSE 29/07/2014

VNINDEX	592.24	2.79	0.47%
KLGD	62,283,321	CP	
GTGD	1,010.22	Tỷ	
GTR NDTNN	40.66	Tỷ	

CP Tăng giá	103	CP
CP Giảm giá	76	CP
CP Đứng giá	125	CP



Tâm điểm

- ▶ **Chỉ số 2 sàn điều chỉnh nhẹ sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,400 tỷ đồng
- ▶ **Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam**
Triển vọng xếp hạng là ổn định
DVO/Moody's
- ▶ **Tồn kho tăng cao, sản xuất công nghiệp đạt 6.2%**
Theo Báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp 7 tháng đầu năm của GSO
Vneconomy
- ▶ **Cán cân thương mại thâm hụt 250 triệu USD tháng 7**
Theo đó, cán cân thương mại hàng hóa 7 tháng của Việt Nam thặng dư 1.26 tỷ USD
Người Đồng Hành
- ▶ **SVC: 6 tháng đầu năm 2014, LNST đạt 19.64 tỷ đồng giảm 31.6% so với cùng kỳ**
Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành được 57% kế hoạch năm
Trí Thức Trẻ/HSX
- ▶ **PLC: Lãi hợp nhất 6 tháng đạt 105 tỷ đồng**
Được biết, năm 2014, PLC đạt kế hoạch lãi ròng đạt 174.7 tỷ đồng
Vietstock

HNX 29/7/2014

HNXINDEX	78.28	0.55	0.71%
KLGD	31,033,910	CP	
GTGD	363.00	Tỷ	
GTR NDTNN	13.56	Tỷ	

CP Tăng giá	113	CP
CP Giảm giá	76	CP
CP Đứng giá	190	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	633.58	3.28	0.52%
HNX30	155.57	1.47	0.96%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,048,886	14.2	3.2	21.3%	11.3%
HNX	124,724	16.2	1.6	7.8%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,173,610	16.0	3.1	20.0%	10.6%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,899	5.9	0.9	15.4%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	17,641	6.8	1.4	19.9%	14.8%
Thép và sản phẩm thép	37,489	20.0	1.9	18.7%	8.0%
Khai khoáng	11,890	63.3	5.7	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,128	16.2	1.3	12.1%	8.4%
Xây dựng	28,654	48.9	1.1	-3.5%	1.7%
Máy công nghiệp	8,241	6.4	1.3	21.4%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,213	13.3	1.4	15.0%	11.4%
Lốp xe	7,570	9.4	2.4	26.8%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,761	10.5	1.4	15.4%	6.5%
Thực phẩm	204,925	23.6	5.0	22.4%	17.4%
Dược phẩm	15,530	11.9	3.0	25.4%	16.6%
Phần mềm	17,475	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	22,540	5.8	1.2	-8.1%	2.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,524	18.2	5.8	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,967	22.7	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,022	13.4	1.4	8.3%	6.4%
Ngân hàng	242,812	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	140,140	11.8	2.7	28.2%	7.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	41,199	10.6	2.1	20.9%	8.5%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam

Tồn kho tăng cao, sản xuất công nghiệp đạt 6.2%

Cán cân thương mại thâm hụt 250 triệu USD tháng 7

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

SVC: 6 tháng đầu năm 2014, LNST đạt 19.64 tỷ đồng giảm 31.6% so với cùng kỳ

PLC: Lãi hợp nhất 6 tháng đạt 105 tỷ đồng

CIG: Lỗ tiếp 16.37 trong quý 2/2014

► Tin kinh tế

Cơ quan xếp hạng quốc tế Moody's hôm nay vừa công bố nâng một bậc xếp hạng đối với trái phiếu phát hành không có đảm bảo được ưu tiên của Việt Nam từ B2 lên B1. Triển vọng xếp hạng là ổn định. Theo Moody's, tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định năm thứ 3 liên tiếp. Mặc dù kể từ năm 2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại so với thập kỷ trước, song tình hình kinh tế vẫn ổn định, thể hiện ở sự ổn định về giá cả. Tăng trưởng GDP thực tế từ 2012 đến giữa năm 2014 trung bình đạt 5.3%, thấp hơn so với mức 6.8% giai đoạn 2002 – 2011.

Tổng cục Thống kê (GSO) vừa ra báo cáo về tình hình sản xuất công nghiệp 7 tháng đầu năm. Theo báo cáo, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 7 toàn quốc tăng 7.5% so với cùng kỳ năm 2013, tính chung 7 tháng đầu năm chỉ số này tăng 6.2%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến tăng 10.3% trong tháng 7, tăng 8.1% trong 7 tháng đầu năm. Ngược lại, các ngành khai khoáng về cơ bản đều suy giảm. Về tồn kho công nghiệp, tồn kho tính đến ngày 1/7 tuy chỉ tăng 1.1% so với tháng trước nhưng tăng tới 13.2% so với cùng kỳ 2013, trong đó, tồn kho tập trung vào các ngành như chế biến, bảo quản thủy-hải sản (6%), sản xuất đường (6.4%), sản xuất mỹ ống, mỹ sợi và sản phẩm tương tự (53.8%), sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (77%).

Theo số liệu công ngày 29/7 của Tổng cục Thống kê (GSO), kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7 ước đạt 12.4 tỷ USD, tăng 0.2% so với tháng trước, trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 12.65 tỷ USD, tăng 1.8%. Như vậy, cán cân thương mại hàng hóa tháng 7 thâm hụt 250 triệu USD. Tính chung 7 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 83.51 tỷ USD, tăng 14.1% so với cùng kỳ năm 2013, trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 82.25 tỷ USD, tăng 11.4% so với cùng kỳ. Theo đó, cán cân thương mại hàng hóa 7 tháng của Việt Nam đạt mức thặng dư 1.26 tỷ USD, bằng 1.5% tổng kim ngạch xuất khẩu.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (HOSE: SVC) công bố BCTC quý 2/2014. Theo đó, doanh thu thuần đạt 1795.2 tỷ đồng tăng 12.76% so với cùng kỳ; Lợi nhuận gộp đạt 127.9 tỷ đồng tăng 32.77% so với quý 2/2013. Sau khi trừ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, SVC lãi thuần 41.9 tỷ đồng tăng 239% so với cùng kỳ năm ngoái; Tội đồ lỗ khác đã nhấn chìm kết quả ấn tượng trên khiến SVC lãi trước thuế 31.3 tỷ đồng tăng 8.8% so với cùng kỳ năm ngoái; Chi thuế về thuế TNDN cũng cao hơn cùng kỳ nên LNST công ty mẹ đạt hơn 10 tỷ đồng giảm 31.63% so với quý 2/2013. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, LNST công ty mẹ không tăng trưởng, đạt 19.64 tỷ đồng giảm 31.6% so với cùng kỳ 2013.

Tổng công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC) vừa công bố BCTC hợp nhất 2014. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2014, PLC ghi nhận doanh thu gần 3,278 tỷ đồng, tăng 9% so với nửa đầu năm 2013. Trong đó, doanh thu từ nhựa đường và dầu mỡ nhờn chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt 1,523 tỷ đồng và 1,106 tỷ đồng. Chính điều này kéo theo lãi gộp trong nửa đầu năm 2014 của PLC tăng gần 15% đạt 464 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi phí bán hàng và chi phí quản lý PLC lại tăng đáng kể, lần lượt ở mức 233 tỷ và 83 tỷ đồng. Trừ đi khoản chi phí này, PLC đạt 105.45 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ, tương ứng giảm gần 3%. So với chỉ tiêu kế hoạch lãi ròng 174.7 tỷ đồng năm 2014 (giảm 8% so với kết quả năm 2013) thì PLC đã thực hiện hơn 60% kế hoạch.

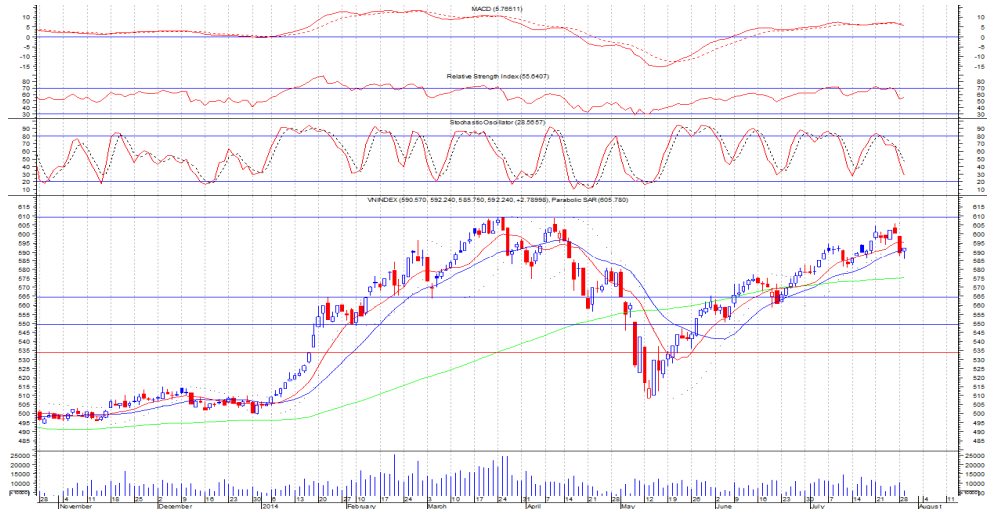
Công ty Cổ phần COMA18 (HOSE: CIG) công bố BCTC quý 2/2014 với kết quả kinh doanh thua lỗ. Đây đã là quý thứ 8 liên tiếp doanh nghiệp này báo lỗ. Trong kỳ doanh thu thuần đạt 99.28 tỷ đồng cao gấp 31 lần khoản doanh thu vốn vện 3.185 tỷ đồng cùng kỳ. Nhưng giá vốn hàng bán lên tới 111.26 tỷ đồng khiến CIG lỗ thuần gần 12 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lợi nhuận thuần đạt 1.745 tỷ đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, CIG lỗ ròng 16.37 tỷ đồng cao hơn rất nhiều mức lỗ 515 triệu đồng cùng kỳ và là mức lỗ cao nhất qua các quý kể từ khi cổ phiếu này niêm yết.

HOSE 29/07/2014 VNINDEX 592.24 2.79 0.47% 62,283,321 CP 1,010.22 bil VND

Chỉ số 2 sàn hồi phục nhẹ trở lại sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp

VN-Index tăng 2.79 điểm (+0.47%), đóng cửa tại mức 592.24 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, bóng dưới dài, nhưng đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra vẫn tiếp tục sụt giảm mạnh.
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm và tiến sâu về vùng quá bán.
- MA10, MA20 đi ngang, MA20 thực sự là ngưỡng hỗ trợ tốt trong mỗi lần chỉ số VN-Index điều chỉnh.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 55.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	9,962,460
VHG	-0.2 (-2.2%)	2,923,090
HQC	0.3 (4.2%)	2,805,510
SAM	0.3 (3.1%)	2,309,760
ITA	0.1 (1.3%)	2,288,220

HOSE Top 5 theo % tăng

VHC	2.8 (6.8%)	139,190
TRC	2.1 (6.7%)	2,790
MPC	3.1 (6.6%)	27,950
VCF	11 (6.6%)	6,240
HLG	0.3 (6.5%)	780

HOSE Top 5 theo % giảm

LSS	-1 (-8.6%)	25,420
LM8	-1.6 (-6.8%)	1,270
HAI	-1.4 (-6.7%)	30
DAG	-0.9 (-6.5%)	5,710
PJT	-0.5 (-6.3%)	2,000

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	6,6 tỷ	59,330
SAM	5,9 tỷ	594,400
HPG	4,8 tỷ	87,640
IJC	4,7 tỷ	368,120
MSN	4,4 tỷ	48,970

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

CSM	-5,5 tỷ	131,530
PXS	-3,8 tỷ	180,000
FLC	-2,5 tỷ	199,980
DPM	-2,3 tỷ	74,080
EIB	-1,1 tỷ	83,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,482,340	40.66

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT hưng phấn ít phút đầu phiên sáng, trước khi rơi mạnh vào giữa phiên. Tuy nhiên, lực cầu hỗ trợ mạnh ở cuối phiên giúp VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và chỉ đạt 60 triệu đơn vị. Việc khối lượng sụt giảm cho thấy sự thận trọng của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng 40,66 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng vẫn tiếp tục diễn ra, khối này mua nhiều ở mã GAS, SAM, bán nhiều ở PXS, CSM.
- ▶ TT tăng điểm trở lại sau nhịp điều chỉnh, chúng tôi cho rằng đây là một tín hiệu tích cực. Nhịp hồi có thể diễn ra ở những phiên tới, nhưng đà tăng không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt và đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
GAS	1,895.0	111.0	210,345.00	18.7	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	136.0	113,346.89	17.6	6.0	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.8	68,757.52	15.5	1.4	10.4%	1.0%
MSN	734.9	91.0	66,876.93	198.4	4.5	2.2%	0.7%
VIC	894.2	73.0	65,279.55	8.7	4.3	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.1	42,449.16	9.3	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.0	28,579.80	22.7	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	11.2	2.2	25.0%	10.7%
PVD	275.5	91.0	25,073.11	11.6	2.4	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

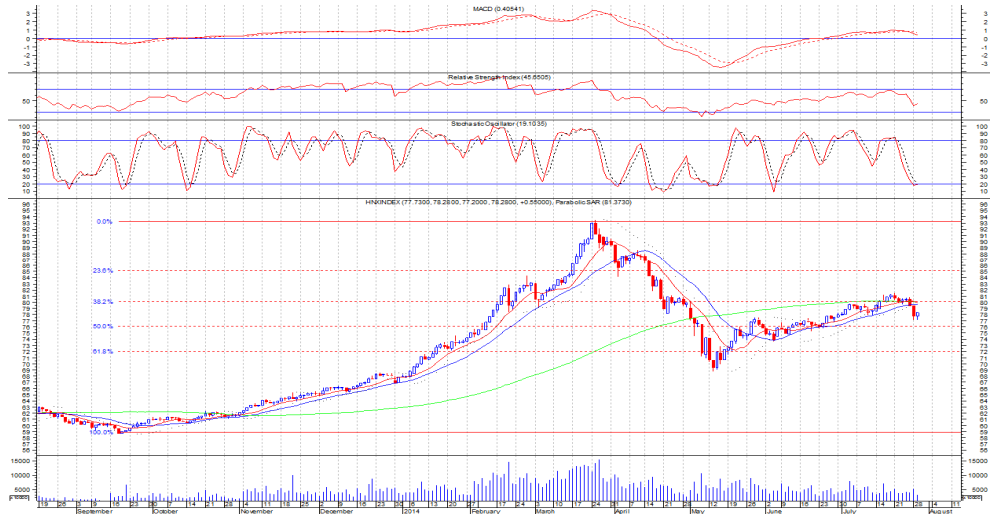
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.8	3,274.98	13.6	1.0	NA	TH.DOI
FPT	343.9	49.7	17,091.54	10.8	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.7	2,336.23	16.3	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.5	3,160.75	8.4	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	5.0	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.0	496.98	2.0	0.8	NA	TH.DOI

HNX 29/07/2014 HNX-Index 78.28 0.55 0.71% 31,033,910 CP 363.00 bil. VND

Chỉ số 2 sàn hồi phục nhẹ trở lại sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp

Chỉ số HNX-Index tăng 0.55 điểm (+0.71%), đóng cửa tại mốc 78.28 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến ngắn, HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và nhiều khả năng sẽ cho tín hiệu mua trở lại trong phiên giao dịch tới.
- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh.
- RSI (14) giảm mạnh về mức 45.
- Áp lực điều chỉnh sẽ giảm dần đối với chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên, đã tăng có lẽ sẽ không quá mạnh.



HNX Top 5 theo KLGD

KLS	0.2 (1.9%)	3,224,940
PVX	0.1 (2.3%)	2,682,170
KLF	0.2 (1.9%)	2,534,100
SCR	0.1 (1.2%)	1,824,260
PVS	0.8 (2.5%)	1,713,360

HNX Top 5 theo % tăng

MIM	0.6 (10.0%)	100
NGC	1.3 (10.0%)	3,000
PMS	0.9 (10.0%)	3,300
ECI	1.5 (9.9%)	300
WCS	9.5 (9.8%)	6,100

HNX Top 5 theo % giảm

PSD	-4.9 (-10.0%)	14,100
VBH	-1.2 (-10.0%)	400
VTL	-2.4 (-10.0%)	11,450
NDX	-0.7 (-9.9%)	6,400
CJC	-2.6 (-9.8%)	300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	6,0 tỷ	187,400
VCG	3,1 tỷ	241,000
DBC	1,1 tỷ	49,100
SHB	0,9 tỷ	99,400
SDT	0,8 tỷ	53,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SD6	-0,7 tỷ	56,800
PVC	-0,2 tỷ	7,800
PVB	-0,1 tỷ	3,000
PVI	-0,1 tỷ	5,000
KHL	-0,1 tỷ	22,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	793,687	13.56

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT hưng phấn ít phút đầu phiên sáng, trước khi rơi mạnh vào giữa phiên. Tuy nhiên, lực cầu hỗ trợ mạnh ở cuối phiên giúp HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và chỉ đạt 30 triệu đơn vị. Việc khối lượng sụt giảm cho thấy sự thận trọng của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 13,56 tỷ trong phiên hôm nay. Đáng chú ý là khối này bán mạnh ở mã SD6, trong khi mua ròng mạnh ở PVS, VCG.
- ▶ TT tăng điểm trở lại sau nhịp điều chỉnh, chúng tôi cho rằng đây là một tín hiệu tích cực. Nhịp hồi có thể diễn ra ở những phiên tới, nhưng đà tăng không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt và đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	32.6	14,562.43	9.3	1.7	19.3%	6.2%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.2	1.1	6.1%	0.5%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	161.7	7.4	-4.1%	-3.2%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.4	0.7	7.9%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	12.8	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	21.0	4,733.70	16.1	0.8	4.6%	2.1%
NTP	56.3	47.5	2,676.12	9.2	1.6	23.8%	16.0%
LAS	77.8	33.7	2,622.94	6.8	1.8	27.5%	15.2%
VNR	131.1	19.9	2,608.41	7.4	0.8	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.9	1,212.20	8.1	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.5	366.30	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	13.9	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	47.5	2,676.12	9.2	1.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	21.0	1,050.00	12.3	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.1	300.04	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	13.73%	91.0	198.37	4.45	152,224	141,533	157,060
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	13.68%	73.0	8.66	4.30	546,095	472,869	363,422
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.62%	55.0	11.19	2.24	1,007,926	1,054,684	767,241
PVD	HOSE	275.5	25,073.11	9.64%	91.0	11.62	2.41	400,440	363,494	344,004
HAG	HOSE	718.2	18,097.50	8.07%	25.2	14.90	1.37	2,512,519	2,757,409	2,824,900
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	7.65%	19.9	10.44	1.50	344,252	349,572	1,518,044
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	6.07%	25.8	15.49	1.35	224,530	263,745	500,365
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	5.32%	30.9	6.20	1.34	806,945	828,077	1,007,885
ITA	HOSE	718.0	5,528.65	3.07%	7.7	96.12	0.70	3,707,937	5,245,484	5,279,001
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	2.45%	42.0	22.70	2.23	149,941	161,261	302,122
KBC	HOSE	389.8	3,936.58	2.33%	10.1	23.70	0.73	1,133,399	1,336,743	1,045,492
HSG	HOSE	96.3	4,208.88	2.28%	43.7	10.61	1.96	111,044	128,981	134,784
GMD	HOSE	116.1	3,995.15	1.97%	34.4	128.28	0.87	123,598	118,348	244,761
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.58%	14.6	13.81	1.11	562,070	725,828	519,416
PPC	HOSE	318.2	6,967.59	1.47%	21.9	7.74	1.28	792,446	619,717	479,958
CSM	HOSE	67.3	2,799.35	1.45%	41.6	7.82	2.04	372,690	525,743	415,024
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.34%	52.0	11.52	2.79	312,561	313,180	234,370
HVG	HOSE	120.0	2,868.00	1.24%	23.9	14.89	1.23	619,369	502,086	578,928
PVT	HOSE	255.9	3,274.98	1.16%	12.8	13.55	1.04	1,402,416	1,553,923	1,111,025
DIG	HOSE	143.0	2,116.33	1.06%	14.8	40.04	0.90	138,146	163,372	229,578
OGC	HOSE	300.0	3,210.00	0.82%	10.7	46.80	0.99	1,141,872	1,230,121	1,574,707

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	7.67%	19.9	10.44	1.50	344,252	349,572	1,518,044
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	7.43%	91.0	198.37	4.45	152,224	141,533	157,060
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	7.31%	25.8	15.49	1.35	224,530	263,745	500,365
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	6.29%	73.0	8.66	4.30	546,095	472,869	363,422
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	5.63%	30.9	6.20	1.34	806,945	828,077	1,007,885
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	5.63%	42.0	22.70	2.23	149,941	161,261	302,122
PVS	HNX	446.7	14,562.43	5.50%	32.6	9.34	1.66	2,765,326	2,686,499	2,181,158
PVD	HOSE	275.5	25,073.11	3.79%	91.0	11.62	2.41	400,440	363,494	344,004
ITA	HOSE	718.0	5,528.65	3.48%	7.7	96.12	0.70	3,707,937	5,245,484	5,279,001
SHB	HNX	886.1	7,620.32	3.36%	8.6	9.43	0.72	3,278,240	7,462,629	6,514,950
HAG	HOSE	718.2	18,097.50	3.27%	25.2	14.90	1.37	2,512,519	2,757,409	2,824,900
VCG	HNX	441.7	5,698.07	3.21%	12.9	12.77	1.02	897,047	1,063,199	1,591,769
OGC	HOSE	300.0	3,210.00	2.07%	10.7	46.80	0.99	1,141,872	1,230,121	1,574,707
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.52%	52.0	11.52	2.79	312,561	313,180	234,370
GMD	HOSE	116.1	3,995.15	1.49%	34.4	128.28	0.87	123,598	118,348	244,761
PPC	HOSE	318.2	6,967.59	1.32%	21.9	7.74	1.28	792,446	619,717	479,958
PVT	HOSE	255.9	3,274.98	1.16%	12.8	13.55	1.04	1,402,416	1,553,923	1,111,025
PVX	HNX	400.0	1,760.00	0.00%	4.4	- 0.77	2.15	5,283,671	5,604,966	6,933,789

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	0.00%	73.0	8.66	4.30	546,095	472,869	363,422
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	0.00%	91.0	198.37	4.45	152,224	141,533	157,060
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	0.00%	30.9	6.20	1.34	806,945	828,077	1,007,885
HAG	HOSE	718.2	18,097.50	0.00%	25.2	14.90	1.37	2,512,519	2,757,409	2,824,900
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	0.00%	25.8	15.49	1.35	224,530	263,745	500,365
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	0.00%	19.9	10.44	1.50	344,252	349,572	1,518,044
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	0.00%	42.0	22.70	2.23	149,941	161,261	302,122
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.58	0.98	343,083	343,445	363,302
GAS	HOSE	1,895.0	210,345.00	0.00%	111.0	18.70	5.93	293,105	278,661	388,206

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	0.88%	91.0	198.37	4.45	152,224	141,533	157,060
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	0.56%	73.0	8.66	4.30	546,095	472,869	363,422
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	0.31%	19.9	10.44	1.50	344,252	349,572	1,518,044
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	0.24%	25.8	15.49	1.35	224,530	263,745	500,365
DPM	HOSE	379.9	11,739.97	0.15%	30.9	6.20	1.34	806,945	828,077	1,007,885
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	0.08%	42.0	22.70	2.23	149,941	161,261	302,122

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,899	5.9	0.9	15.4%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	17,641	6.8	1.4	19.9%	14.8%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,755	22.4	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	772	7.1	0.8	12.4%	6.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,489	20.0	1.9	18.7%	8.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,619	3.0	0.7	23.7%	5.1%
Khai khoáng	11,890	63.3	5.7	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,128	16.2	1.3	12.1%	8.4%
Xây dựng	28,654	- 48.9	1.1	-3.5%	1.7%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,100	7.9	1.2	16.4%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	747	6.2	1.5	13.6%	9.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,662	8.8	1.0	9.7%	4.3%
Thiết bị điện	1,747	- 16.3	0.9	0.3%	-0.7%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	13.0	0.5	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,241	6.4	1.3	21.4%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,872	- 2.7	0.9	3.8%	0.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,213	13.3	1.4	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,746	8.7	1.3	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,498	10.9	1.3	13.3%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	202	9.6	0.7	8.1%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	173	8.1	0.8	10.7%	4.4%
Chất thải & Môi trường	164	2.5	0.8	35.0%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,787	9.9	1.1	11.5%	6.7%
Lốp xe	7,570	9.4	2.4	26.8%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,369	7.0	1.1	15.4%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	335	14.3	1.5	17.8%	11.5%
Đồ uống & giải khát	241	6.9	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,761	10.5	1.4	15.4%	6.5%
Thực phẩm	204,925	23.6	5.0	22.4%	17.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	50	13.6	0.6	4.6%	3.5%
Thiết bị gia dụng	2,083	8.2	1.0	12.4%	6.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	159	8.5	1.4	16.5%	11.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,067	8.4	1.5	18.0%	7.1%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,824	9.9	1.7	16.4%	8.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	679	- 7.8	1.1	1.8%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		915	16.4	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		139	2.9	1.5	37.9%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,530	11.9	3.0	25.4%	16.6%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		239	45.0	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		657	12.5	1.1	12.6%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,427	9.0	1.6	17.2%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,026	8.5	0.9	11.8%	7.9%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,643	35.7	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,159	26.9	1.3	15.2%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,273	16.7	2.6	22.8%	19.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		65	15.2	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		583	23.6	0.7	3.1%	1.1%
Internet		370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm		17,475	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		417	14.3	0.7	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng		271	5.3	0.9	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		8,798	21.6	1.1	32.5%	11.1%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		22,540	-	5.8	1.2	-8.1%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		216,524	18.2	5.8	32.9%	22.1%
Nước		1,197	6.4	1.1	16.9%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,132	5.0	0.8	15.5%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,715	12.6	0.7	5.9%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,608	7.4	0.8	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,967	22.7	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,180	46.8	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,022	13.4	1.4	8.3%	6.4%
Ngân hàng						
Ngân hàng		242,812	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		140,140	11.8	2.7	28.2%	7.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	2.1	0.6	33.6%	11.3%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		41,199	10.6	2.1	20.9%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.